**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập hoặc tập học buổi chiều.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn, GVCN** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN HÓA HỌC**

**CHƯƠNG 4: HIDROCACBON – NHIÊN LIỆU**

**BÀI 34: KHÁI NIỆM VỀ HỢP CHẤT HỮU CƠ VÀ HÓA HỌC HỮU CƠ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| **CHƯƠNG 4: HIDROCACBON – NHIÊN LIỆU**  **BÀI 34: KHÁI NIỆM VỀ HỢP CHẤT HỮU CƠ VÀ HÓA HỌC HỮU CƠ**   1. **Khái niệm về hợp chất hữu cơ:** 2. **Hợp chất hữu cơ có ở đâu?**   Hợp chất hữu cơ có trong lương thực, thực phẩm, cơ thể sinh vật kể cả con người.   1. **Hợp chất hữu cơ là gì?**   Hợp chất hữu cơ là hợp chất của cacbon **trừ** CO, CO2, H2CO3, muối cacbonat kim loại …)   1. **Phân loại hợp chất hữu cơ:** 2 loại  * Hidrocacbon: phân tử chỉ có 2 nguyên tố là C và H (vd: CH4, C2H4 …) * Dẫn xuất của Hidrocacbon: phân tử có 2 nguyên tố là C và H và còn có các nguyên tố khác N, O, Cl, S, Br (vd: CH3Cl, C2H6O …)  1. **Khái niệm về hóa học hữu cơ:**   Hóa học hữu cơ là ngành hóa học chuyên nghiên cứu về các hợp chất hữu cơ và những chuyển đổi của chúng. | 1. HS đọc trong sgk trang 106 2. Đốt cháy bông sinh ra CO2   Đốt cháy giấy sinh ra tro than ( C)  Bông và giấy là chất hữu cơ 🡪 vậy trong chất hữu cơ có chứa C.  Đọc thêm trong sgk 106, 107  **Vd: chất hữu cơ là chất nào trong các chất sau: C2H6 , NaNO3 , KHCO3 , CH3NO2 , CO**  (NaNO3 , KHCO3 , CO là chất vô cơ, không phải là chất hữu cơ vì:  NaNO3 không chứa C  K**HCO3** là muối cacbonat)   1. Đọc thêm trong sgk 107   Làm Bài 5 trang 108 để ôn phần I  II. Đọc thêm trong sgk 107  Hóa học hữu cơ có nhiều phân ngành khác nhau. |

**BÀI 35: CẤU TẠO PHÂN TỬ HỢP CHẤT HỮU CƠ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| **BÀI 35: CẤU TẠO PHÂN TỬ HỢP CHẤT HỮU CƠ**   1. **Đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ:** 2. **Hóa trị và liên kết giữa các nguyên tử:**   Trong hợp chất hữu cơ:  - Hóa trị của: C (IV) , H (I) , O (II)  - Các nguyên tử liên kết với nhau theo đúng hoá trị của chúng  - Mỗi liên kết được biểu diễn bằng một nét gạch nối giữa 2 nguyên tử   1. **Mạch Cacbon:**   -Những nguyên tử C trong phân tử hợp chất hữu cơ có thể liên kết trực tiếp với nhau tạo thành mạch C  -Có 3 loại mạch C: Mạch thẳng, mạch nhánh, mạch vòng.  -VD: sgk trang 110  **3.Trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử :**  -Mỗi hợp chất hữu cơ có một trật tự liên kết xác định giữa các nguyên tử trong phân tử  Vd:  H H    H – C – C – O – H ***rượu etylic***    H H  H H    H – C – O – C– H ***đimetyl ete***    H H   1. **Công thức cấu tạo:**   -Công thức biểu diễn đầy đủ liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử gọi là CTCT  CTCT của mêtan    H    H – C – H viết gọn CH4    H    ***CTCT của rượu etylic***  H H    H – C – C – O – H Viết gọn CH3 –CH2–OH    H H  -CTCT cho biết thành phần của phân tử và trật tự liên kết giữa các nguyê tử trong phân tử | 1. Đọc và xem ví dụ sgk trang 109 2. Đọc và xem ví dụ sgk trang 109, 110 3. Phân tử C2H6O có 2 trật tự sắp xếp là:   H H    H – C – C – O – H ***rượu etylic***    H H  H H    H – C – O – C– H ***đimetyl ete***    H H  Nên tạo ra 2 chất khác nhau, làm chúng có tính chất khác nhau 🡪 cùng 1 phân tử nhưng có nhiều trật tự sắp xếp các nguyên tử sẽ tạo ra bấy nhiêu chất   1. Đọc sgk trang 111   Rút gọn liên kết của C và H (vd như C liên kết với 3 H thì ghi CH3, gạch liên kết không viết nữa) |

**Bài 36 MÊ TAN**

Công thức phân tử: CH4 .

Phân tử khối : 16

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| **Bài 36 MÊ TAN**  Công thức phân tử: CH4 .  Phân tử khối : 16   1. **Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí:**   -Trong tự nhiên mêtan có trong mỏ khí thiên nhiên, mỏ dầu, mỏ than, trong bùn ao.  -Mêtan là chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí rất ít tan trong nước.  **II. Cấu tạo phân tử:**  H    CTCT của mêtan H – C – H    H  Trong phân tử mêtan có 4 liên kết đơn   1. **Tính chất hóa học:**   **1/Tác dụng với oxi:**  CH4(k)+2O2(k)🡪CO2(k)+ 2H2O(h)    **2/Tác dụng với clo (phản ứng thế)**  CH4 +Cl2 CH3Cl + HCl  ( metylclorua)  Phản ứng thế là phản ứng đặc trưng của khí metan  - **IV. Ứng dụng:** xem trong sgk 115 | 1. Đọc thêm trong sgk 113 2. Đọc và xem hình 4.4 sgk trang 113   Giữa nguyên tử C và nguyên tử H chỉ có 1 liên kết (có 1 gạch) những liên kết như vậy gọi là liên kết đơn  III.   1. Khi đốt Mêtan trong Oxi hay trong không khí, Mêtan cháy tạo thành khí cacbon đioxit và hơi nước ( ngoài ra còn tỏa ra một lượng lớn nhiệt. Hỗn hợp 1 thể tích CH4 và 2 thể tích O2 là hỗn hợp nổ mạnh) 2. Đọc và xem hình 4.6 sgk trang 114   (chú ý PTHH viết theo dạng cấu tạo xem sgk)  Mêtan đã tác dụng với clo khi có ánh sáng  Trong phản ứng, nguyên tử H của mêtan được thay thế bằng nguyên tử Clo, vì vậy phản ứng trên được gọi là phản ứng thế ( có thể thế cả 4 nguyên tử Cl vì metan có 4 nguyên tử H)  IV. Đọc trong sgk 115 |

**Bài 37 : ETILEN**

**Công thức phân tử : C2H4**

**Phân tử khối : 28**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| **Bài 37 : ETILEN**  Công thức phân tử C2H4  Phân tử khối : 28   1. **Tính chất vật lí:**   Etilen là chất khí, không màu, không mùi, ít tan trong nước, nhẹ hơn không khí   1. **Cấu tạo phân tử:**   CH2=CH2  Giữa 2 nguyên tử C có 2 liên kết, những liên kết như vậy gọi là liên kết đôi.  -Trong liên kết đôi có một liên kết kém bền , liên kết này dễ bị đứt ra trong các phản ứng hoá học     1. **Tính chất hóa học:**   **1.Etilen có cháy không?**  C2H4 +3 O2 🡪 2 CO2 + 2H2O **+ Q**  **2.Etilen có phản ứng cộng: làm mất màu da cam của dd brôm**    C2H4 + Br2 🡪 C2H4Br2  -Ngoài ra etilen còn có pứ cộng với 1 số chất khác như H2, Cl2.  -Các chất có liên kết đôi (tương tự như etilen) dễ tham gia pứ cộng  **3.Các phân tử etilen có kết hợp được với nhau không?**  n CH2 **=** CH2  (- CH2 - CH2 - )n  -Các ptử etilen kết hợp với nhau tạo thành ptử có kích thước và khối lượng rất lớn gọi là polietilen (PE)  -Pứ trên gọi là pứ trùng hợp  **IV. Ứng dụng**: xem trong sgk 118 | 1. Đọc trong sgk trang 117 2. 2 nguyên tử C , mỗi nguyên tử C còn 1 liên kết chưa có liên kết với nguyên tử khác.   H H    H – C – C – H      Để đảm bảo phân tử Etilen có 2C và 4H thì 2 liên kết đó phải liên kết với nhau thành    H H    H – C = C – H viết gọn CH2=CH2    Giữa 2 nguyên tử C có 2 liên kết (2 gạch giữa 2 nguyên tử C) những liên kết như vậy gọi là liên kết đôi.   * Đọc thêm trong sgk, xem hình 4.7  1. Khi đốt etilen cháy tạo thành CO2, hơi nước và toả nhiều nhiệt 2. Đọc sgk trang 118 để hiểu 3. Đọc sgk trang 118 để hiểu   (chú ý dạng ptpứ dạng triển khai xem sgk)  ...**+** CH2 = CH2 **+** CH2 = CH2 **+** CH2 = CH2 +... – CH2 – CH2 – CH2 – CH2 – CH2 – CH2 – ...  Để liên kết với nhau thì liên kết đôi giữa C=C trong các phân tử etilen sẽ đứt ra thành – CH2 – CH2 –  Các phân tử etilen kết hợp với nhau tạo thành phân tử có kích thước và khối lượng rất lớn gọi là polietilen  **IV**: xem trong sgk 118 |

**HƯỚNG DẪN MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP**

**VD 1**: Viết công thức cấu tạo của các chất có công thức phân tử C3H7Cl

|  |  |
| --- | --- |
| Giải:  CH3 – CH2 – CH2 – Cl CH3 – CH – CH3    NH2 | - công thức cấu tạo của **các chất** là **các trật tự sắp xếp** của nguyên tử trong phân tử)  - công thức phân tử C3H7Cl có 2 trật tự sắp xếp) |

**VD2:** Hãy tính số liên kết đơn, số liên kết đôi giữa những nguyên tử C trong các phân tử CH3 – CH2 = CH2

|  |  |
| --- | --- |
| Giải:  Có 1 liên kết đơn, 1 liên kết đôi | Chỉ tính liên kết giữa C với C như yêu cầu  **CH3 – CH2** = CH2 : 1 liên kết đơn  CH3 – **CH2 = CH2** : 1 liên kết đôi |

VD3: Hợp chất hữu cơ A có 2 nguyên tố. khi đốt 3 gam chất A thu được 5,4 gam H2O. Hãy xác định công thức phân tử X, biết MA = 30 gam (bài tâp 5 trang 112 sgk)

|  |  |
| --- | --- |
| Giải:  Công thức phân tử của A là CxHy  mH = nH2O. 2 =  mC = mA – mH = 3 – 0.6 = 2.4g  Hệ thức:      * x = 2 , y = 6 * Công thức phân tử của A là C2H6 | - Đề bài cho hợp chất hữu cơ A có 2 nguyên tố nên 2 nguyên tố đó là C và H 🡪 Công thức phân tử của A có dạng là CxHy  - Do có C và H nên tìm khối lượng của C và H là tìm mC và mH theo công thức:  mC= nCO2 .12  mH= nH2O.2  - Do đề bài chỉ cho H2O nên mC phải tìm bằng cách lấy mA – mH  (Vì trong A chứa C,H) |

**YÊU CẦU CỦA GIÁO VIÊN (TRONG NỘI DUNG 4 BÀI)**

1. Học sinh ghi nội dung từng bài vào tập bài học của môn hóa ( ghi “**Phần học sinh ghi bài vào tập”)**
2. Học sinh học nội dung ghi trong tập.
3. Kết hợp đọc sgk, nghe bài giảng trên các kênh truyền hình họặc trên youtube … để nắm bài
4. Làm 2 đề bài tập vào giấy ( mỗi đề làm vào 1 tờ, ghi rõ số đề ) nộp cho giáo viên để lấy điểm 15 phút. Học sinh nộp bài vào ngày nhận tài liệu đợt 2 (ngày nhận tài liệu đợt 2 sẽ thông báo sau, dư kiến sau 2 tuần phát tài liệu đợt 1)

**ĐỀ SỐ 1:**

**CÂU 1**: Hãy sắp xếp các chất sau vào các cột thích hợp trong bảng:

C2H2, C2H6O, Ca(HCO3)2, C6H5Cl, C4H10, CO2, C6H6, C2H5COONa, Na2CO3, C5H8, CH2Cl2, C3H7Cl, C2H6, C3H9N, H2CO3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hợp chất hữu cơ | | Hợp chất vô cơ |
| Hiđrocacbon | Dẫn xuất của Hiđrocacbon |
|  |  |  |

**CÂU 2**: Hãy viết công thức cấu tạo của các chất có công thức phân tử : CH4O C3H8O C2H5Br ( biết Br hóa trị I) C3H9N ( biết N hóa trị III)

**CÂU 3**: Hợp chất hữu cơ X có 2 nguyên tố. khi đốt 1,4 gam chất X thu được 4,4 gam CO2. Hãy xác định công thức phân tử X, biết MX = 56 g

**ĐỀ SỐ 2:**

**CÂU 1**: Hãy tính số liên kết đơn, số liên kết đôi giữa những nguyên tử C trong các phân tử chất:

a/ CH3 – CH = CH – CH3 b/ CH3 – CH2 – Br c/ CH2 = CH – CH = CH2

**CÂU 2**: Bài 3 trang 119 sgk

**CÂU 3**: bài 4 trang 119 sgk